

Bản án số: 10/2018/HNGĐ -ST

Ngày 15/03/2018

"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Lương Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Bình - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Nga – Chủ tịch Hội phụ nữ huyện

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 03 năm 2018 Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2017/TLST - HNGĐ ngày 08/11/2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 01/3/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình T, SN 1989 (có mặt)

Trú tại: L Đ, N D, K C, H Y

- Bị đơn: Chị Vũ Thị Diệu L, SN 1991 (có mặt)

Người có QLVN liên quan: Cháu Nguyễn Khánh N, SN 21/5/2015

Người đại diện hợp pháp của cháu N: Chị L – mẹ đẻ của cháu

Đều trú tại: 118 phố P N L, thị trấn Â T, Â T, H Y

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2017 và lời khai của anh T trình bày: Anh và chị L có thời gian tìm hiểu rồi đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N D vào tháng 8/2014 Sau khi cưới thì chị L về ngay gia đình anh chung sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến sau khi chị L sinh con thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cãi cọ nhau. Tháng 10/2015 chị L và gia đình chị L chửi bới gia đình tôi và dọn đồ đạc về ngoại và vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó.

Về con chung: Có 01 con chung. Hiện nay con chung đang ở với chị L

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai chị L trình bày: Chị và anh T có thời gian yêu nhau 4 năm sau đó mới thống nhất đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn

tại UBND xã Nhuế Dương vào tháng 8/2014. Sau khi cưới thì chị về ngay gia đình anh T chung sống, anh T thời gian đó học tại Học Viện An Ninh sáng thứ 2 đi thứ 6 về. Khoảng hơn 1 tháng thì chị mang thai, tình hình sức khỏe không được tốt nên chị có xin phép bố mẹ chồng cho chị được về bên nhà bố mẹ đẻ ở để đi làm. Thứ 6 anh T đi học về là đến đón chị về. Sau khi chị sinh con xong được vài hôm thì mẹ chồng cho chị ra ăn riêng, khi anh T đi học thì mẹ chồng chị nói gì với anh T mà anh T đi học về chửi chị, khi hết thời gian anh T được nghỉ hè thì anh T lại phải tiếp tục lên trường để học, chị có xin phép mẹ chồng cho chị lên ở cùng với anh T ở trên trường đến khi nào đi làm thì về, thì mẹ anh T bảo anh T chuyển vào ký túc xá để ở, còn chuyển đồ của tôi về bên bố mẹ chị, sau đó anh T đưa mẹ con chị về bên bố mẹ chị và xin phép bố mẹ chị là gửi mẹ con chị đến khi nào đi làm thì đón về. Nhưng từ thời gian đó chưa 1 lần nào anh T đón chị về mặc dù chị có gọi điện cho anh T đến đón chị. Tháng 4/2017 trong họ gia đình anh T có người mất chị có đưa con về hỏi thăm thì bố anh T có đưa cháu về nhà chơi, khi trời tối chị có về nhà anh T đón con thì mẹ chồng nói để lại chơi với bố, chị có nói cuối tuần chị mang cháu ra chơi vài hôm, anh T đi mua đồ chơi về cứ thế đánh chị, chị gọi bố mẹ chị lên thì bố mẹ chị gọi công an xã giải quyết, sau đó anh T xin lỗi chị, bố mẹ chị để giải quyết nội bộ gia đình. Nhưng anh T lại làm đơn nộp ra Tòa xin ly hôn. Chị xác định giữa chị và anh T không có mâu thuẫn gì nên anh T xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu anh T phải trả chị $\frac{1}{2}$ số tiền vợ chồng đã vay là 58.000.000 đ và lãi tính từ thời điểm vay đến khi trả hết nợ

Tại biên bản lấy lời khai của bà Phạm Thị T (mẹ đẻ của chị L) trình bày: Bà xây dựng vợ chồng cho chị L, anh T vào tháng 8/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N D. Sau khi thành vợ chồng chị L về ngay gia đình chồng chung sống. Anh, chị chung sống bà không thấy anh, chị có mâu thuẫn gì, bà chỉ thấy có mâu thuẫn giữa mẹ chồng và chị L, khi chị L sinh con xong được vài ngày thì đã sinh sự với chị L, mới 7h tối mà mẹ chồng đã bắt tắt đèn tuýt, bật đèn nhỏ cho đỡ tốn điện, sau đó mẹ chồng bắt chị L ra ăn riêng. Khi con được 3 tháng thì chị L muốn mang con lên chỗ trọ của anh T chơi nhưng mẹ chồng chia rẽ, gửi đồ đạc của L về nhà bà, còn cho T vào ký túc xá ở. Chị L nói với anh T nhưng anh T không tin mà còn chửi chị, đánh vợ. Đến tết anh T đến con nhưng không cho chị L về vì vậy chị L có theo anh T về đến nhà, anh T đánh chị L gãy răng, chị L gọi điện cho bố mẹ, sau đó ông bà báo công an xã Nhuế Dương nhưng T xin vì vậy ông, bà cho qua. Sau đó T nộp đơn xin ly hôn ra Tòa . Nay anh T xin ly hôn chị L, việc vợ chồng anh T, chị L có tiếp tục chung sống với nhau hay không là quyền của anh T, chị L.

Về con chung: Anh T, chị L có 01 con chung là Nguyễn Khánh N, SN 21/5/2015. Hiện nay cháu đang ở với chị L và ông bà.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Đỗ Thị B (mẹ đẻ của anh T) trình bày: Anh T, chị L đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N D vào tháng 8/2014. Sau khi cưới thì chị L về ngay gia đình bà chung sống. Một thời gian sau thì chị L mang thai và có nói với bà là dạ con thấp đi lại xa không tốt và nói ở bên bố mẹ đi làm cho gần, bà đồng ý, sau đó chồng bà gọi điện thoại cho bên thông gia

nói gửi cháu L. Khi chị L đến ngày đẻ thì gia đình thông gia đưa chị L đến bệnh viện, sau đó bà đưa mẹ con chị L về nhà bà, được 4 ngày thì chị L tắc sữa, bà được mách cách chữa dân gian nhưng bà T không đồng ý mà gọi taxi đưa chị L và cháu đi bệnh viện, bà cũng đi xuống cùng. Sau khi ở bệnh viện về thì bà nấu cơm mời bà T ăn thì bà T không ăn mà gọi chồng lên đón về. Khi đầy tháng cháu gia đình bà có làm vài mâm cơm, bố của chị L đến, bà T không đến, sau đó bố chị L còn xin phép cho mẹ con chị L về bên ngoại chơi, vợ chồng bà đồng ý, sau đó ông, bà cũng đi Hà Nội làm ăn. Khi đó anh T đang ở ngoài nên bà có khuyên anh T là vào ký túc xá ở để tiết kiệm tiền mua sữa cho con. T nghe lời và đồng ý vào, thì chị L đặt điều cho bà là xui anh T vào để không cho chị L lên ở với chồng, sau đó chị L gọi điện cho chồng là mang trả con, hôm sau bà và anh T về thì thấy chị L đang dọn đồ đạc mà chị L mua lên xe mang về nhà. Anh T được nghỉ hè ông, bà giục anh T đến đón mẹ con chị L về nhưng chị L không về. Rằm tháng 7/2015 bà có bảo T đến đón mẹ con chị L về ăn rằm nhưng chị L về mà không mang con về, sau đó gia đình bà có họp thì chị L không nghe mà con cãi láo, hôm sau ông bà đi Hà Nội làm, ở nhà chị L mời các chú đến nhà bố chồng bà để nói chuyện, sau đó các chú gọi điện cho chồng bà nhưng chồng bà nói không phải đến, từ đó chị L đặt điều cho bà, nói bà độc ác. Nay anh T, chị L ra Tòa ly hôn việc anh, chị có ở được với nhau nữa hay không là quyền của anh, chị.

Tại biên bản xác minh với UBND xã N D: Anh T, chị L là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhuế Dương vào ngày 26/08/2014 tại số 30. Quá trình chung sống chị L, anh T chung sống có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được.

Về con chung: Anh T, chị L có 01 con chung là Nguyễn Khánh N, SN 21/5/2015

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không nắm được. Khoảng đầu năm 2017 công an xã có xuống gia đình anh T vì có thông báo đánh nhau nhưng khi công an xã xuống thì thấy không có sự việc đánh nhau gì cả. Ngoài ra không còn lần nào khác.

Tại biên bản xác minh với Ngân hàng HTX (viết tắt Co.opbank): Ngày 02/12/2014 chị L, có chồng anh T có vay của Ngân hàng số tiền 58.000.000 đ. Đến ngày 28/8/2017 chị L đã trả hết nợ gốc là 58.000.000 đ, lãi là 12.639.400 đ. Ngoài ra giữa Ngân hàng và chị L không còn khoản vay nào khác.

Tại phiên tòa ngày 15/03/2018: Chị L, anh T có mặt. Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX xử cho anh T được ly hôn chị L, Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh N, SN 21/5/2014 cho chị L nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh T,

chị L anh T trả chị L số tiền mà vợ chồng đã vay của Ngân hàng Coopbank chi nhánh số 5 là gốc 58.000.000 đ, lãi 12.639.400 đ, tổng số là: 58.000.000 đ + 12.639.400 đ = 70.639.400 đ; 2 = 35.319.700 đ; về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn, cấp dưỡng, án phí tài sản theo quy định của pháp luật. Chị L phải chịu án phí tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N D vào ngày 26/08/2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh T là hợp pháp. Nay anh T có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Chị L đang ở tại Phố Phạm Ngũ Lão, thị trấn Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Anh T xác định sau khi chị L sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng vào tháng 10/2015, chị L và gia đình chị L đến chửi bới gia đình anh và dọn đồ đạc về nhà bố mẹ đẻ ở. Về phía chị L, chị xác định giữa chị và anh T không có mâu thuẫn gì vì vợ chồng chỉ có gặp gỡ nhau 2 ngày cuối tuần, còn chủ yếu anh T học tập và ở Hà Nội, mâu thuẫn chủ yếu là mẹ chồng và nàng dâu, anh T nghe mẹ không tin những gì chị nói, do mâu thuẫn mà anh T gửi chị về nhà bố mẹ đẻ ở từ khi con chị 3 tháng tuổi. Về phía gia đình anh T cũng xác định khi anh T, chị L kết hôn với nhau thì anh T học tại Học viện An Ninh, còn ông, bà làm việc ở Hà Nội, chỉ cuối tuần mới về, khi chị L sinh con thì ông, bà ở nhà chăm sóc con dâu đến khi đầy tháng, sau đó chị L về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó chị L có thái độ, lời lẽ xúc phạm mẹ chồng. Mâu thuẫn giữa anh, chị và giữa chị L với gia đình chồng đã kéo dài từ năm 2015 cho đến nay mà anh T, chị L cũng không có biện pháp gì để khắc phục, hơn nữa mâu thuẫn còn trầm trọng hơn khi chị L khai đầu năm 2017 anh T đánh chị, bố mẹ chị thông báo công an xã tuy nhiên qua xác minh tại UBND xã N D khẳng định không có sự việc đánh nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh, chị để tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng, mặc dù được Tòa án động viên, khuyên giải nhưng anh T vẫn giữ nguyên quan điểm xác định không còn tình cảm với chị L, còn chị L xin đoàn tụ, nhưng chị L không tìm được biện pháp gì để kéo anh T về với mình, cũng như không có biện pháp gì để hàn gắn lại những mâu thuẫn trong gia đình mà anh, chị cứ sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị L, anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T, chị L không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014 vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh T, chị L có 01 con chung là Nguyễn Khánh N, SN 21/5/2015. Hiện nay cháu N đang ở với chị L. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi cháu N và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Anh T cũng đồng ý tuy nhiên nếu được chị L đồng ý thì anh cũng nhận nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh. Xét nguyện vọng của chị L là phù hợp với thực tế và pháp luật là cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ chấp nhận nguyện vọng của chị L là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N đến khi thành niên. Về cấp dưỡng chị L nhận nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương anh T được hưởng. Tại đơn xác nhận của anh T thì hiện tại lương của anh T được hưởng là 8.687.744 đ, chị L hiện đang làm y tế học đường tại Trường mầm non Hoàng Hoa Thám. Việc chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương anh T là không có cơ sở vì trách nhiệm việc chăm sóc, nuôi dưỡng là trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ, chị L cũng có công việc ổn định, anh T ngoài việc phải có trách nhiệm với con chung thì anh T còn có các khoản chi cá nhân khác nên HĐXX buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L mỗi tháng 1.500.000 đ kể từ tháng 3/2018 đến khi cháu N thành niên là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị L có đề nghị anh T phải trả chị $\frac{1}{2}$ số tiền gốc và lãi mà vợ chồng vay của Ngân hàng hợp tác xã (viết tắt Co.opbank) số tiền gốc là 58.000.000 đ, lãi 12.687.400 đ, ngày 28/8/2017 chị L đã trả cả gốc, và lãi. Quá trình hòa giải anh T đồng ý trả chị L $\frac{1}{2}$ số tiền trên cụ thể như sau: 58.000.000 đ + 12.639.400 đ = 70.639.400 đ : 2 = 35.319.700 đ. Vì vậy HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận này của anh T, chị L.

Ngoài ra anh T, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, công sức, công nợ nào khác.

[5] Về án phí: Anh T, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 357 BLDS; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đình T được ly hôn chị Vũ Thị Diệu L.

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh N, SN 21/5/2015 cho chị Vũ Thị Diệu L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N thành niên. Anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L mỗi tháng 1.500.000 đ kể từ tháng 3/2018 cho đến khi cháu N thành niên. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, quyền thay đổi nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3- Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc số nợ vay của Ngân hàng coopbank, chi nhánh số 5; địa chỉ: Trần Cao, Phù Cừ, Hưng Yên số tiền gốc là 58.000.000 đ, lãi 12.687.400đ của vợ chồng anh T, chị L, chị L đã trả hết nợ gốc và lãi vào ngày 28/8/2017. Anh T đồng ý trả chị L $\frac{1}{2}$ số tiền cụ thể 58.000.000 đ + 12.639.400 đ = 70.639.400 đ: 2 = 35.319.700 đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị L có đơn đề nghị thi hành án nếu anh T không thi hành khoản tiền cấp dưỡng và trả chị L khoản tiền nợ chung trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4 - Về án phí : Anh T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 008880 ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Ngoài ra anh T còn phải chịu 300.000 đ án phí cấp dưỡng và 883.000 đ án phí tài sản.

Chị L phải chịu 883.000 đ án phí tài sản .

5- Quyền kháng cáo: Chị L, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- THSDS huyện;
- UBND xã N D;
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Lương Hồng

